

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
 ※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

[별지 제34호서식] <개정 2018. 12. 31.> (앞 쪽)
 [Mẫu đính kèm số 34] <Sửa đổi 2018. 12. 31.> (Mặt trước)

자가용 화물자동차 사용(신규·변경)신고서 ĐƠN KHAI BÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG XE TẢI CÁ NHÂN (MỚI/THAY ĐỔI)						처리기간 Thời gian xử lý 10일 10 ngày
신 고 인 Người khai báo	① 성 명 ① Họ tên (법인명) (tên pháp nhân)			② 생년월일 ② Năm, tháng, ngày sinh (사업자등록번호) (số đăng ký kinh doanh)		
	③ 주 소 ③ Địa chỉ	(전화번호:) (Số điện thoại:)				
화물자동차 Xe tải	④ 차종 ④ Loại xe		⑤ 차량번호 ⑤ Biển số xe		⑥ 적재톤수 ⑥ Trọng tải	
	⑦ 사용 목적 ⑦ Mục đích sử dụng					
⑧ 변경 사항 (변경 시) ⑧ Nội dung thay đổi (khi thay đổi)						
「화물자동차 운수사업법」 제55조 및 같은 법 시행규칙 제48조에 따라 위와 같이 신고합니다. Tôi xin khai báo như trên theo Điều 55 “Luật Kinh doanh vận tải bằng xe chở hàng hóa” và Điều 48 Thông tư hướng dẫn Luật này. <div style="text-align: center;"> 년 월 일 Năm tháng ngày 신고인 Người làm đơn (서명 또는 인) (Kí tên hoặc đóng dấu) </div> 특별시장·광역시장·특별자치시장·도지사·특별자치도지사 귀하 Kính gửi Thị trưởng thành phố đặc biệt (teukbyeolsi), Thị trưởng thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi), Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt (teukbyeol jachisi), Thống đốc tỉnh, Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido)						
수수료 Lệ phí	시·도지사가 정하는 금액 Số tiền do Thành phố (si), tỉnh (do) quy định					

구비서류 Tài liệu cần thiết	구 분 Phân loại		신고인(대표자) 제출서류 Hồ sơ người khai báo (người đại diện) nộp	특별시장·광역시장·특별자치시장·도지사·특별자치도지사 확인사항 Nội dung Thị trường thành phố đặc biệt (teukbyeolsi), Thị trường thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi), Thị trường thành phố tự trị đặc biệt (teukbyeol jachisi), Thống đốc tỉnh (do), Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido) xác nhận
	자기 소유 차고 Nhà xe riêng		1. 차고시설(임대 차고를 포함합니다)을 확보하였음을 증명하는 서류 1부 1. 1 bản tài liệu chứng minh cơ sở bãi đỗ (bao gồm cả bãi xe thuê) đã được đảm bảo an toàn 2. 약식 도면(토지경계선, 화물자동차 출입구, 건물 배치 및 차고시설 위치 등 표시) 2. Lược đồ (thể hiện ranh giới đất, lối vào xe chõ hàng, vị trí tòa nhà, vị trí bãi xe,...)	1. 토지대장 등본 또는 토지등기부 등본 1. Bản sao sổ đăng ký đất đai hoặc bản sao sổ địa chính 2. 건축물대장 등본 2. Bản sao sổ đăng ký công trình xây dựng
	임대 차고 Bãi xe thuê	주차장 Bãi đỗ xe	1. 차고시설(임대 차고를 포함합니다)을 확보하였음을 증명하는 서류 1부 1. 1 bản tài liệu chứng minh cơ sở bãi đỗ (bao gồm cả bãi xe thuê) đã được đảm bảo an toàn 2. 주차장 사용계약서 2. Hợp đồng sử dụng bãi đỗ xe	없 음 Không có
		임대 건물 Toà nhà thuê	1. 차고시설(임대 차고를 포함합니다)을 확보하였음을 증명하는 서류 1부 1. 1 bản tài liệu chứng minh cơ sở bãi đỗ (bao gồm cả bãi xe thuê) đã được đảm bảo an toàn 2. 약식도면 2. Lược đồ 3. 임대차계약서 사본 또는 차고 사용승낙서 3. Bản sao hợp đồng thuê hoặc mẫu chấp thuận sử dụng bãi xe	건축물대장 등본 Bản sao sổ đăng ký công trình xây dựng
		임대 토지 Đất thuê	1. 차고시설(임대 차고를 포함합니다)을 확보하였음을 증명하는 서류 1부 1. 1 bản tài liệu chứng minh cơ sở bãi đỗ (bao gồm cả bãi xe thuê) đã được đảm bảo an toàn 2. 임대차계약서 사본 또는 차고 사용승낙서 2. Bản sao hợp đồng thuê hoặc mẫu chấp thuận sử dụng bãi xe	토지대장 등본 또는 토지등기부 등본 Bản sao sổ đăng ký đất đai hoặc bản sao sổ địa chính
※ 유의사항 ※ Nội dung lưu ý 자가용 화물자동차는 유상으로 운송용에 제공하거나 임대해서는 안 되며(「화물자동차 운수사업법」 제56조), 이를 위반하면 2년 이하의 징역이나 2천만원 이하의 벌금을 물게 됩니다(「화물자동차 운수사업법」 제67조). Không được cung cấp hoặc cho thuê xe tải cá nhân để vận tải thu phí (Điều 56 “Luật Kinh doanh vận tải bằng xe chõ hàng hóa”), bất kỳ ai vi phạm điều này sẽ bị phạt tù tối đa 2 năm hoặc phạt tiền tối đa 20 triệu won (“Luật Kinh doanh vận tải bằng xe chõ hàng hóa”).				

210mm×297mm(신문용지 54g/㎡(재활용품))

이 신고서는 아래와 같이 처리됩니다.
Đơn khai báo này được xử lý như sau.

(뒤 쪽)
(M ặ t sau)



